

VẬN HÀNH KRX & TRIỂN VỌNG NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG



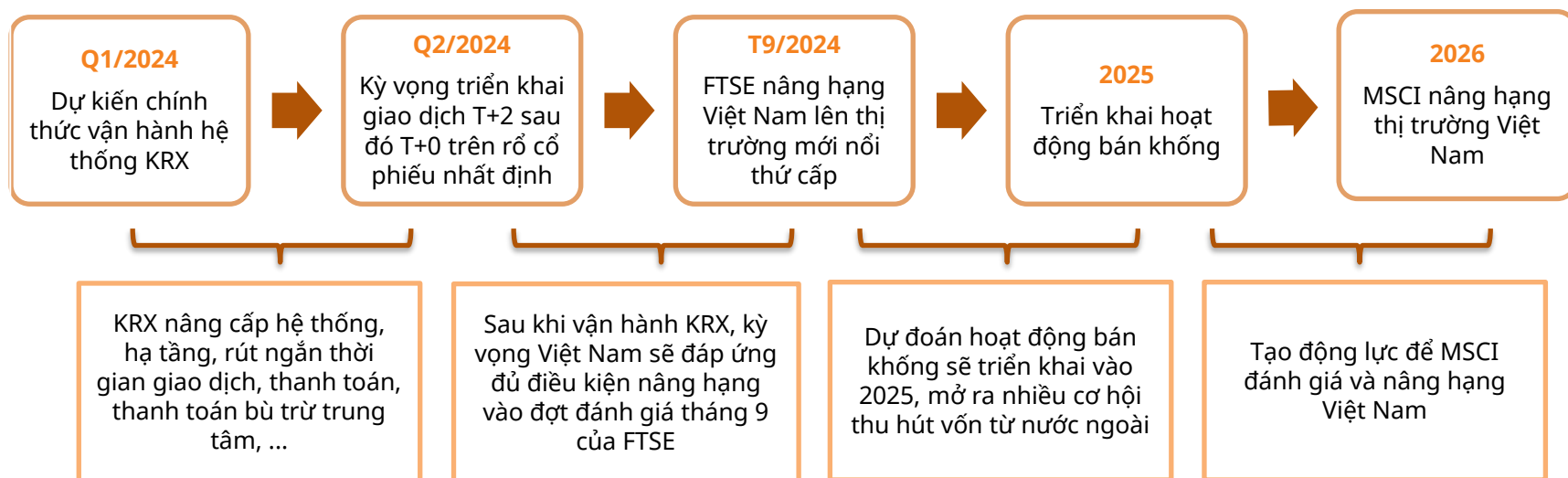
KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Ngọc Thúy Vy, Analyst, vy.tnt@miraeasset.com.vn

PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS IN APPENDIX 1 AT THE END OF REPORT.

Vận hành KRX và mục tiêu nâng hạng

- ❑ Ngày 10/10/2023, Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE), đã tổ chức cuộc họp đánh giá tình hình triển khai hệ thống KRX quản lý và điều hành hoạt động trong chứng khoán. Tỷ lệ kiểm thử của các công ty chứng khoán và hệ thống được ghi nhận ở mức 78%. Với tỷ lệ này, chúng tôi dự báo tiến độ vận hành KRX nhiều khả năng nghiệm thu thành công vào tháng 12/2023, là tiền đề cho các mục tiêu phát triển tiếp theo.
- ❑ Lưu ý: Sơ đồ ước tính thời gian bên dưới mang tính tham khảo và thực tế có thể thay đổi. Dựa trên giả định hệ thống KRX vận hành thông suốt và sớm triển khai nghiệp vụ Pre-funding (mua trước, rồi tiền thanh toán trong ngày).
- ❑ Nghiệp vụ Pre-funding nếu triển khai thành công sẽ giúp cải thiện thanh khoản thị trường, cũng như là một tiêu chí đánh giá đáng chú ý trong việc nâng hạng thị trường.



Phân hạng thị trường theo FTSE Russell

- ❑ FTSE Russell chia làm 4 phân hạng: Developed, Advanced Emerging, Secondary Emerging và Frontier.
- ❑ Theo đánh giá tháng 9/2023 của FTSE, Việt Nam đã được thêm vào danh sách theo dõi nhằm nâng hạng lên Secondary Emerging từ tháng 9/2018. Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên mục tiêu chưa hoàn thành. Hiện Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi với vai trò cận biên và được kỳ vọng phân loại lại lên Secondary Emerging. Hoạt động đánh giá lại sẽ được FTSE thực hiện tiếp tục vào tháng 3 và tháng 9/2024.

Developed	Advanced Emerging	Secondary Emerging	Frontier
Australia	Brazil	Chile	Bahrain
Austria	Czech Republic	China	Bangladesh
Belgium/Luxembourg	Greece	Colombia	Botswana
Canada	Hungary	Egypt	Bulgaria
Denmark	Malaysia	Iceland*	Côte d'Ivoire
Finland	Mexico	India	Croatia
France	South Africa	Indonesia	Cyprus
Germany	Taiwan	Kuwait	Estonia
Hong Kong	Thailand	Pakistan	Ghana
Ireland	Turkiye	Philippines	Jordan
Israel		Qatar	Kazakhstan
Italy		Romania	Kenya
Japan		Saudi Arabia	Latvia
Netherlands		United Arab Emirates	Lithuania
New Zealand			Malta
Norway			Mauritius
Poland			Mongolia*
Portugal			Morocco
Singapore			Oman
South Korea			Palestine
Spain			Peru
Sweden			Republic of North Macedonia
Switzerland			Serbia
UK			Slovak Republic
USA			Slovenia
			Sri Lanka
			Tanzania
			Tunisia
			Vietnam

Nguồn: FTSE, Mirae Asset tổng hợp

Hạn chế theo đánh giá của FTSE

❑ Theo đợt đánh giá T9/2023 của FTSE, Việt Nam vẫn còn một tiêu chí hạn chế để nâng hạng thị trường, việc KRX đi vào vận hành kỳ vọng nhiều chuyển biến tích cực, là nhân tố hỗ trợ để hiện thực hóa lên thị trường mới nổi.

Tiêu chí thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE	Thị trường Việt Nam (T9/2023)
Cơ quan quản lý TTCK chủ động giám sát thị trường	Đạt
Không phản đối hoặc hạn chế đáng kể hoặc hình phạt áp dụng cho khoản đầu tư vốn hoặc rút vốn và thu nhập về nước	Đạt
Môi giới: Cạnh tranh hiệu quả đảm bảo dịch vụ môi giới chất lượng cao	Đạt
Chi phí giao dịch: chi phí ngầm định và chính thức phải hợp lý và cạnh tranh	Đạt
Tính minh bạch: thông tin chuyên sâu về thị trường, có tính hiển thị và báo cáo quá trình giao dịch kịp thời	Đạt
Thanh toán: Tỷ lệ các giao dịch thất bại hiếm	Hạn chế
Chu kỳ thanh toán	T+2
Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đạt
Lưu ký: Cạnh tranh hiệu quả đảm bảo dịch vụ lưu ký chất lượng cao	Đạt

Nguồn: FTSE, Mirae Asset tổng hợp

Triển vọng Việt Nam sau khi FTSE nâng hạng

- ❑ Quy mô vốn hóa của VN-Index đạt 190 tỷ USD (12/10/2023), khá tương đồng với vài quốc gia được phân bổ tỷ trọng thấp trong danh mục FTSE Emerging markets Index. Tiêu biểu như quy mô vốn hóa thị trường Chile đạt 181 tỷ USD (T8/2023). Chúng tôi ước tính tỷ trọng của Việt Nam trong rổ sẽ ở mức khoảng 0,6% khi được thêm vào chính thức.
- ❑ Vanguard FTSE Emerging Markets ETF với quy mô gần 71 tỷ USD. Với tỷ trọng phân bổ 0,6%, Việt Nam có thể được giải ngân ở khoảng 426 triệu USD. Chúng tôi cho rằng, dòng tiền ngoại chảy vào Việt Nam không những đến từ những quỹ sử dụng chỉ số FTSE Emerging markets Index làm tham chiếu, mà còn những quỹ khác khi thị trường được nâng hạng.

Cơ cấu FTSE Emerging Market cập nhật vào 29/09/2023

Country	No. of Cons	Net MCap (USDm)	Wgt %
Brazil	83	396,933	6.40
Chile	21	39,700	0.64
China	1236	2,019,653	32.55
Colombia	5	10,033	0.16
Czech Rep.	5	10,674	0.17
Egypt	3	5,046	0.08
Greece	25	33,570	0.54
Hungary	4	15,790	0.25
Iceland	10	7,163	0.12
India	212	1,194,391	19.25
Indonesia	40	141,700	2.28
Kuwait	9	56,440	0.91
Malaysia	39	109,670	1.77
Mexico	39	193,328	3.12
Pakistan	1	215	0.00
Philippines	26	48,110	0.78
Qatar	17	65,140	1.05
Romania	6	8,594	0.14
Saudi Arabia	56	285,009	4.59
South Africa	41	204,435	3.29
Taiwan	119	1,002,750	16.16
Thailand	50	143,998	2.32
Turkiye	100	86,389	1.39
UAE	29	125,737	2.03
Totals	2176	6,204,468	100.00

Cơ cấu FTSE tại Việt Nam cập nhật vào 29/09/2023

ICB Code	ICB Supersector	FTSE Vietnam All-Share			FTSE Vietnam		
		No. of Cons	Net MCap (VNDm)	Wgt %	No. of Cons	Net MCap (VNDm)	Wgt %
1010	Technology	1	4,256,415	0.45	-	-	-
1510	Telecommunications	1	57,366,591	6.06	-	-	-
3010	Banks	13	221,324,703	23.38	3	69,454,213	12.44
3020	Financial Services	5	75,075,045	7.93	4	72,115,017	12.91
3030	Insurance	1	3,095,851	0.33	-	-	-
3510	Real Estate	11	178,503,787	18.86	5	142,503,237	25.51
4020	Consumer Products and Services	1	12,664,722	1.34	-	-	-
4040	Retailers	3	67,184,766	7.10	1	23,526,120	4.21
4050	Travel and Leisure	1	16,134,602	1.70	1	16,134,602	2.89
4510	Food Beverage and Tobacco	7	135,785,746	14.35	2	102,546,978	18.36
5010	Construction and Materials	3	22,225,531	2.35	1	5,473,669	0.98
5020	Industrial Goods and Services	3	93,581,565	9.89	2	83,790,700	15.00
5510	Basic Resources	1	6,036,767	0.64	1	6,036,767	1.08
5520	Chemicals	3	28,809,725	3.04	2	24,475,263	4.38
6010	Energy	2	16,733,234	1.77	1	7,027,497	1.26
6510	Utilities	2	7,680,906	0.81	1	5,448,869	0.98
Totals		58	946,459,957	100.00	24	558,532,932	100.00

Triển vọng Việt Nam sau khi FTSE nâng hạng

☐ Tổng hợp một số quỹ ETF sử dụng FTSE Emerging markets Index làm tham chiếu, với tỷ trọng phân bổ 0,6%, Việt Nam có thể nhận đầu tư như bảng giả định bên dưới, ước tính khoảng 452 triệu USD (gần 11.000 tỷ đồng).

Tên	Quy mô (Tỷ USD)	Giá trị có thể đầu tư vào Việt Nam (Triệu USD)
Vanguard FTSE Emerging Markets ETF	70,8	426
Vanguard FTSE Emerging Markets UCITS ETF (London)	2,59	15,54
Vanguard FTSE Emerging Markets All Cap Index ETF (Canada)	1,18	7,08
Vanguard FTSE Emerging Markets ETF/Australia (Australia)	0,43	2,58
Invesco FTSE Emerging Markets High Dividend Low Volatility UCITS ETF (London)	0,15	0,9
Sphere FTSE Emerging Markets Sustainable Yield Index ETF (Canada)	0,005	0,03
REX Gold Hedged FTSE Emerging Markets ETF (U.S.)	0,001	0,006
Tổng	75,156	452,136

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset tổng hợp

Các quốc gia sau khi được FTSE nâng hạng

❑ Theo chúng tôi quan sát, đa phần các thị trường trước thời điểm nâng hạng chính thức 1- 2 năm, thị trường chứng khoán đều có dấu hiệu bật tăng. Cụ thể: Qatar tăng hơn 45% từ (T9/2013-T9/2014), Saudi Arabia tăng hơn 23% (T3/2017-T3/2018), Romania tăng hơn 18% từ (T9/2018-T9/2019).

Quốc gia	Thời điểm vào Watchlist Secondary Emerging	Thời điểm vào chính thức	Thời điểm được giải ngân	Note	Tác động thị trường chứng khoán
Qatar	T9/2013	T9/2015	T9/2016 - T3/2017	3 năm được giải ngân	Từ T9/2013 đến nay đã tăng 511% dựa trên chỉ số Qatar General Index
Kuwait	T9/2008	T9/2017	T9/2018 - T12/2018	10 năm	Tăng 74% từ thời điểm giải ngân đến mốc đỉnh 2022
Saudi Arabia	T9/2015	T3/2018	T3/2019 - T9/2019	3,5 năm	Chỉ số Tadawul All Share đến nay tăng 42% so với thời điểm chính thức nâng hạng
China	T3/2016	T9/2018	T6/2019 - T9/2019 - T3/2020	3 năm 3 tháng	Chỉ số Shanghai Composite tăng 24,5% đến nay từ thời điểm T9/2018
Romania	T9/2019	T9/2020	T3/2021- T12/2021- T3/2022	2,5 năm	Chỉ số BET tăng 70,4% từ tháng 9/2020

Nhóm cổ phiếu hưởng lợi sau nâng hạng

❑ Kỳ vọng các mã trong danh mục hiện tại của FTSE được hưởng lợi nếu nâng hạng thành công.

Mã	Ngành	Tỷ trọng hiện tại tại danh mục FTSE	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại	Khối lượng nước ngoài còn được mua
HPG	Thép	13.29%	144207	49%	25%	1,403,900,552
VIC	Bất động sản	11.35%	167813	48%	13%	1,368,449,412
VHM	Bất động sản	11.46%	193769	50%	24%	1,127,992,364
VNM	Thực phẩm	9.39%	156329	100%	55%	936,674,899
MSN	Thực phẩm	8.55%	101590	49%	29%	279,734,058
VCB	Ngân hàng	8.12%	480103	30%	24%	362,361,161
SSI	Chứng khoán	6.16%	47148	100%	44%	839,185,658
VRE	Bất động sản	4.37%	61353	49%	33%	382,147,256
DGC	Hóa chất	2.79%	34256	49%	16%	126,691,357
VJC	Hàng không	2.67%	55732	30%	18%	67,700,536
VND	Chứng khoán	2.29%	24357	100%	23%	937,131,505
VCI	Chứng khoán	2.25%	16647	100%	23%	336,287,579
SHB	Ngân hàng	2.24%	38360	30%	6%	863,491,735
VIX	Chứng khoán	1.96%	9573	100%	9%	611,109,688
KBC	Bất động sản	1.99%	23565	49%	21%	218,029,748
EIB	Ngân hàng	1.83%	29943	30%	4%	458,896,951
GEX	Điện	1.74%	17200	50%	13%	318,950,134
DIG	Bất động sản	1.24%	13325	49%	5%	267,690,891
VCG	Xây dựng	1.21%	12426	49%	9%	211,206,333
DXG	Bất động sản	1.10%	10005	50%	21%	179,529,810
PVD	Dầu khí	1.11%	15009	49%	21%	154,616,255
POW	Điện	0.98%	26346	49%	5%	1,036,064,104
HSG	Thép	0.98%	11088	49%	21%	172,219,634
DPM	Phân bón	0.95%	14949	49%	12%	145,877,301

Phân hạng thị trường theo MSCI

- ❑ MSCI phân loại thị trường chứng khoán ra thành 3 loại theo thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất: thị trường phát triển (Developed), thị trường mới nổi (Emerging), và thị trường cận biên (Frontier). Những thị trường không được xếp vào ba loại này được xếp chung là Standalone.
- ❑ Việt Nam hiện được xếp vào nhóm thị trường cận biên.

MSCI ACWI & FRONTIER MARKETS INDEX									
MSCI ACWI INDEX					MSCI EMERGING & FRONTIER MARKETS INDEX				
MSCI WORLD INDEX			MSCI EMERGING MARKETS INDEX			MSCI FRONTIER MARKETS INDEX			
DEVELOPED MARKETS			EMERGING MARKETS			FRONTIER MARKETS			
Americas	Europe & Middle East	Pacific	Americas	Europe, Middle East & Africa	Asia	Europe	Africa	Middle East	Asia
Canada	Austria	Australia	Brazil	Czech Republic	China	Croatia	Kenya	Bahrain	Bangladesh
United States	Belgium	Hong Kong	Chile	Egypt	India	Estonia	Mauritius	Jordan	Pakistan
	Denmark	Japan	Colombia	Greece	Indonesia	Iceland	Morocco	Oman	Sri Lanka
	Finland	New Zealand	Mexico	Hungary	Korea	Lithuania	Nigeria		Vietnam
	France	Singapore	Peru	Kuwait	Malaysia	Kazakhstan	Tunisia		
	Germany			Poland	Philippines	Romania	WAEMU ²		
	Ireland			Qatar	Taiwan	Serbia			
	Israel			Saudi Arabia	Thailand	Slovenia			
	Italy			South Africa					
	Netherlands			Turkey					
	Norway			United Arab Emirates					
	Portugal								
	Spain								
	Sweden								
	Switzerland								
	United Kingdom								
MSCI STANDALONE MARKET INDEXES ¹									
						Americas	Europe	Africa	Middle East
						Argentina	Bosnia Herzegovina	Botswana	Lebanon
						Jamaica	Bulgaria	Zimbabwe	Palestine
						Panama	Malta		
						Trinidad & Tobago	Ukraine		

Nguồn: MSCI, Mirae Asset tổng hợp

Hạn chế theo đánh giá của MSCI

- ❑ Những lưu ý MSCI đánh giá Việt Nam vào đợt T6/2023 trước khi hướng tới mục tiêu nâng hạng từ Frontier Market lên Emerging Market.

STT	Tiêu chí cần cải thiện	Chi tiết
1	Giới hạn sở hữu đầu tư nước ngoài	Các công ty trong một số ngành và lĩnh vực bị giới hạn về sở hữu nước ngoài từ 0 đến 51%. Những hạn chế này ảnh hưởng tới hơn 10%
2	Room còn lại cho nhà đầu tư nước ngoài	Thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng đáng kể bởi vấn đề room nhà đầu tư nước ngoài
3	Quyền bình đẳng cho nhà đầu tư nước ngoài	Thông tin công bố trên Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) công bố thông tin bằng tiếng Anh, nhưng còn thiếu thông tin doanh nghiệp bằng tiếng Anh. Ngoài ra, quyền lợi nhà đầu tư nước ngoài bị hạn chế do giới hạn sở hữu nước ngoài khắt khe cả khách hàng tổ chức lẫn cá nhân
4	Mức độ tự do hóa trên thị trường ngoại hối	Hiện nay chưa có thị trường giao dịch tiền tệ dành cho nước ngoài và vẫn còn hạn chế trên thị trường giao dịch tiền tệ trong nước (giao dịch ngoại tệ liên quan đến chứng khoán).
5	Đăng ký và thiết lập tài khoản	Đăng ký là bắt buộc và thiết lập tài khoản yêu cầu phải có sự phê duyệt của VSD
6	Quy định thị trường	Không phải tất cả quy định đều phải tìm thấy bằng tiếng Anh
7	Luồng thông tin thị trường	Thông tin thị trường chứng khoán thường không công bố bằng tiếng Anh và thường không đủ chi tiết.
8	Hệ thống thanh toán bù trừ	Việt Nam không có trung tâm thanh toán bù trừ chính thức, VSD đóng vai trò này. Ngoài ra , Việt Nam không có công cụ vay thấu chi và các giao dịch cần phải ứng tiền trước.
9	Khả năng chuyển nhượng	Giao dịch ngoài sàn và các hình thức chuyển nhượng không dùng tiền mặt phải được sự phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Nguồn: FTSE, Mirae Asset tổng hợp

Triển vọng Việt Nam sau khi MSCI nâng hạng

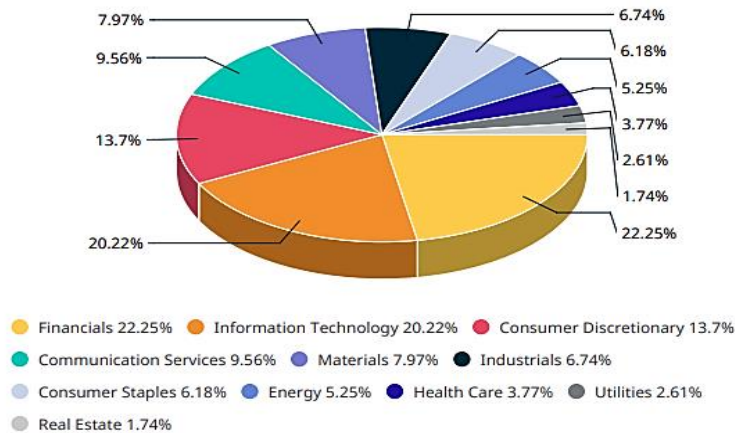
Với quy mô vốn hóa của VN-Index tương tự như Chile và Peru, chúng tôi ước tính tỷ trọng của Việt Nam trong rổ chỉ số MSCI Emerging markets Index sẽ ở mức khoảng 0,4%.

Quốc gia	Quy mô vốn hóa (tỷ USD)	Tỷ trọng MSCI emerging markets giải ngân
Chile	181	0,5%
Peru	167	0,3%
Việt Nam	190	0,4%

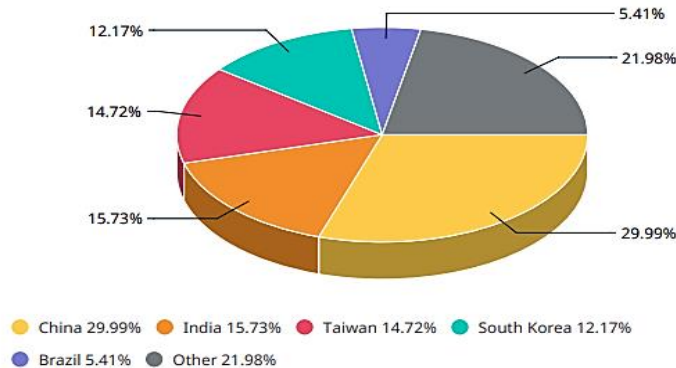
IShares core MSCI Emerging Markets ETF là quỹ giao dịch theo phân loại MSCI với quy mô đạt 69,53 tỷ USD (12/10/2023), với tỷ trọng phân bổ kỳ vọng của Việt Nam ở mức 0,4% thì Việt Nam có thể được giải ngân khoảng 278 triệu USD (tương đương 6.672 tỷ đồng). Ngoài ra, IShares MSCI Emerging Markets ETF EEM, tổng tài sản đạt 17,37 tỷ đô (12/10/2023), Việt Nam có thể nhận khoảng đầu tư 69 triệu USD (tương đương 1.656 tỷ đồng).

Cơ cấu ngành nghề và quốc gia trong rổ chỉ số MSCI Emerging markets Index (29/09/2023)

SECTOR WEIGHTS



COUNTRY WEIGHTS



Nguồn: MSCI, Mirae Asset tổng hợp

Các quốc gia sau khi được MSCI nâng hạng

- ❑ Theo chúng tôi quan sát, đa phần các thị trường trước thời điểm nâng hạng chính thức 1- 2 năm, thị trường chứng khoán đều có dấu hiệu bật tăng, cụ thể: China tăng hơn 26% (T1/2016-T4/2017), Saudi Arabia tăng hơn 25% (T6/2017-T6/2018), Kuwait tăng hơn 27% từ (T11/2018-T1/2020).

Quốc gia	Thời điểm vào Emerging Markets status	Thời điểm vào chính thức MSCI Emerging Markets Index	Thời điểm thay đổi tỷ trọng	Note	Tác động thị trường chứng khoán
China	T6/2013	T6/2017	T5/2018 & T9/2018	5 năm	Chỉ số Shanghai Composite tăng 24,5% đến nay từ thời điểm T9/2018
Saudi Arabia	T6/2017	T6/2018	T5/2019 & T9/2019	2 năm	Chỉ số Tadawul All Share đến nay tăng 42% so với T6/2018
Argentina	T6/2018	T5/2019	T5/2019	Từ tháng 9/2021, Argentina bị loại khỏi thị trường mới nổi, trở thành thị trường không được xếp hạng, sau khi Argentina rơi vào suy thoái kinh tế, thị trường chứng khoán nước này giảm mạnh từ đầu 2020.	
Kuwait	T6/2019	T11/2020	T5/2021	2 năm	Chỉ số Kuwait All share tăng 43% từ T6/2019 đến mức đỉnh 2022.

Nhóm cổ phiếu hưởng lợi sau nâng hạng

☐ Tương tự như FTSE, kỳ vọng các mã trong danh mục hiện tại của MSCI cũng được hưởng lợi nếu nâng hạng thành công.

Mã	Ngành	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại	Khối lượng nước ngoài còn được mua
DXG	Bất động sản	10,005	50%	21%	179,529,810
DIG	Bất động sản	13,325	49%	5%	267,690,891
DGW	Bán lẻ	9,072	49%	22%	44,385,192
DGC	Hóa chất	34,256	49%	16%	126,691,357
FRT	Bán lẻ	12,875	49%	35%	19,620,456
GEX	Điện	17,200	50%	13%	318,950,134
HDG	Bất động sản	7,950	50%	23%	83,084,986
HAG	Thực phẩm	7,447	49%	3%	430,830,976
HSG	Thép	11,088	49%	21%	172,219,634
TCH	Bất động sản	7,751	51%	2%	324,430,490
IDC	Bất động sản	16,500	49%	14%	116,059,617
KDH	Bất động sản	23,660	50%	39%	81,080,583
KBC	Bất động sản	23,565	49%	21%	218,029,748
KDC	Thực phẩm	16,205	50%	19%	87,467,489
NLG	Bất động sản	12,483	50%	41%	33,288,891
PC1	Xây lắp	8,086	50%	6%	120,176,279
DCM	Phân bón	18,264	49%	11%	201,792,808
PVD	Dầu khí	15,009	49%	21%	154,616,255
DPM	Phân bón	14,949	49%	12%	145,877,301
NT2	Điện	7,039	49%	15%	98,232,486
PVS	Dầu khí	18,163	49%	21%	136,003,609
PVT	Vận tải	9,062	49%	11%	123,777,951
PDR	Bất động sản	16,086	49%	7%	282,196,587
SHS	Chứng khoán	13,173	49%	11%	305,353,165
HUT	Xây dựng	19,903	50%	2%	431,151,311
SBT	Thực phẩm	10,367	100%	15%	644,198,621
VPI	Bất động sản	12,802	49%	2%	112,931,332
VCI	Chứng khoán	16,647	100%	23%	336,287,579
VCG	Xây dựng	12,426	49%	9%	211,206,333
VHC	Thủy sản	13,937	100%	31%	126,915,399
VIX	Chứng khoán	9,573	100%	9%	611,109,688
VND	Chứng khoán	24,357	100%	23%	937,131,505

- Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.
- Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.
- Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.
- MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.
- Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.